# Bài 10: Quá trình nội sinh và ngoại sinh. Các dạng địa hình chính. Khoáng sản

## Trả lời câu hỏi giữa bài Địa 6 Bài 10 (Chân trời sáng tạo)

**Câu hỏi 1 trang 144 Địa Lí lớp 6:** Dựa vào nội dung trong bài và hình 10.1 em hãy cho biết:

- Thế nào là quá trình nội sinh và ngoại sinh?

- Bề mặt địa hình thay đổi như thế nào ở mỗi hình a, b, c?

- Hình nào là kết quả của các quá trình ngoại sinh và hình nào là kết quả của quá trình nội sinh?

Hình 10.1. Một số kết quả của quá trình nội sinh và ngoại sinh

**Trả lời:**

***- Khái niệm***

+ Quá trình nội sinh là quá trình xảy ra trong lòng đất làm di chuyển các mảng quá trình kiến tạo, nén ép các lớp đất đá hoặc đẩy vật chất nóng chảy dưới sâu ra ngoài mặt đất.

+ Quá trình ngoại sinh là quá trình hình thành địa hình xảy ra trên bề mặt Trái Đất bao gồm phá hủy, vận chuyển bồi tụ được.

***- Bề mặt địa hình thay đổi***

+ Hình a. Do ảnh hưởng của sóng biển, sau một thời gian dài đã làm thay đổi địa hình và tách rời mặt đất tạo thành các đảo nhỏ hoặc hàm ếch.

+ Hình b. Do ảnh hưởng của gió thổi vào các mỏm núi khiến sườn núi dần dần bị ăn mòn, biến mất tạo thành các cột nấm đá.

+ Hình c. Do các mảng kiến tạo va chạm với nhau tạo thành các ngọn núi và núi lửa, vỏ Trái Đất bị rạn nứt khiến macma ở dưới sâu phun trào ra ngoài Trái Đất.

- Hình a, b là quá trình ngoại sinh; hình c là quá trình nội sinh.

**Câu hỏi 2 trang 145 Địa Lí lớp 6:** Dựa vào hình 10.2, bảng 10.1 và nội dung trong bài, em hãy:

**Trả lời câu hỏi trang 145 sgk Lịch Sử và Địa Lí 6 mới:** Dựa vào hình 10.2, bảng 10.1 và nội dung trong bài, em hãy:

- Kể tên một số dạng địa hình phổ biến.

- Nêu một số đặc điểm của dạng địa hình núi.

- Cho biết sự khác nhau giữa núi và đồi, giữa cao nguyên và đồng bằng.

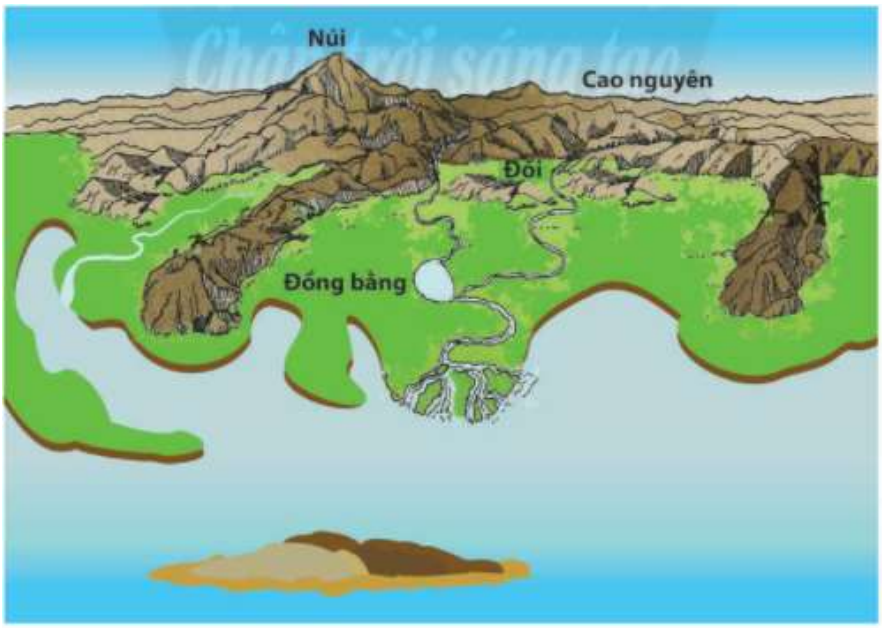


Hình 10.2. Một số dạng địa hình chính

**Trả lời:**

- *Một số dạng địa hình phổ biến:* đồng bằng, đồi, cao nguyên và núi.

- *Đặc điểm của dạng địa hình núi:* nhô cao rõ rệt trên mặt đất (trên 500m so với mực nước biển), gồm đỉnh núi, sườn núi và chân núi.

- *Sự khác nhau của các dạng địa hình núi, cao nguyên, đồng bằng và đồi.*

| **Dạng địa hình** | **Độ cao** | **Hình thái** |
|---|---|---|
| Núi | Độ cao của núi so với mực nước biển từ 500m trở lên. | Nhô cao rõ rệt so với mặt bằng xung quanh. Đỉnh nhọn, sườn dốc. |
| Đồi | Không quá 200m so với vùng đất xung quanh. | Là dạng địa hình nhô cao. Đỉnh tròn, sườn thoải. |
| Cao nguyên | Độ cao tuyệt đối từ 500m trở lên. | Vùng đất tương đối bằng phẳng hoặc gợn sóng, có sườn dốc, dựng đúng thành vách. |
| Đồng bằng | Độ cao tuyệt đối thường dưới 200m, nhưng cũng có những bình nguyên cao gần 500m. | Là dạng địa hình thấp, bằng phẳng hoặc hơi gợn sóng. |

**Câu hỏi 3 trang 147 Địa Lí lớp 6:** Quan sát hình 10.5 và thông tin trong bài:

- Em hãy cho biết các hình a, b, c, d là khoáng sản nào?

- Những khoáng sản này có công dụng gì?

- Hãy kể tên một vài khoáng sản khác mà em biết.

Hình 10.5. Một số loại khoáng sản

**Trả lời:**

- Nội dung các hình

+ Hình a: Đá vôi.

+ Hình b: Than.

+ Hình c: Vàng.

+ Hình d: Kim cương.

- Công dụng: Có ích được con người khai thác sử dụng, sản xuất và phát triển kinh tế.

- Một vài khoáng sản khác: Dầu mỏ, đồng, sắt, apatit, kẽm, thạch anh,...

## Giải luyện tập - Vận dụng Bài 10 Địa lí 6 (Chân trời sáng tạo)

**Luyện tập trang 147 Địa Lí lớp 6:**

1. Phân biệt quá trình nội sinh và ngoại sinh trong quá trình hình thành địa hình bề mặt Trái Đất?

2. Cho biết độ cao tuyệt đối của các dạng địa hình chính.

3. Tìm hiểu thông tin về hiện trạng khai thác một số loại khoáng sản mà em biết.

**Trả lời:**

1. Phân biệt quá trình nội sinh và ngoại sinh

| | **Nội sinh** | **Ngoại sinh** |
|---|---|---|
| Khái niệm | Là các quá trình xảy ra trong lòng Trái Đất. | Là các quá trình xảy ra ở bên ngoài, trên bề mặt Trái Đất. |
| Tác động | Làm di chuyển các mảng kiến tạo, nén ép các lớp đất đá, làm cho chúng bị uốn nếp, đứt gãy hoặc đẩy vật chất nóng chảy ở dưới sâu ra ngoài mặt đất tạo thành núi lửa, động đất,... | Phá vỡ, san bằng các địa hình do nội sinh tạo nên, đồng thời cũng tạo ra các dạng địa hình mới. |
| Kết quả | Tạo ra các dạng địa hình lớn. | Tạo ra các dạng địa hình nhỏ. |

2. Độ cao tuyệt đối của các dạng địa hình

- Núi: Độ cao tuyệt đối trên 500m.

- Cao nguyên: Độ cao tuyệt đối trên 500m.

- Đồi: Độ cao tuyệt đối không quá 200m so với vùng đất xung quanh.

- Đồng bằng: Độ cao tuyệt đối dưới 200m.

3. Hiện trạng khai thác một số loại khoáng sản

Học sinh tìm thông tin qua sách, báo, internet,…

Thực trạng sử dụng tài nguyên khoáng s...
baoxaydung.com.vn

Nước ta có nguồn tài nguyên khoáng sản ...
moitruongviet.edu.vn

Nhiều loại khoáng sản của Việt Nam sẽ ...
thethaovanhoa.vn

***Một số hiện trạng khai thác khoáng sản***

- Quản lý các doanh nghiệp chưa tốt dẫn đến việc thai đá bị khai thác lãng phí.

- Tai nạn trong quá trình khai thác than đá ngày càng trở nên báo động.

- Hiện trạng khai thác khoáng sản chui còn rất nhiều, nhiều các đơn vị khai thác không có giấy phép,…

**Vận dụng trang 147 Địa Lí lớp 6:** Nơi em sinh sống thuộc dạng địa hình nào? Dạng địa hình này phù hợp với những hoạt động kinh tế nào?

**Trả lời:**

- Học sinh dựa vào nơi sống của mình để hoàn thiện câu trả lời.

- Ví dụ:

+ Nơi em sinh sống là đồng bằng; các hoạt động kinh tế như: trồng trọt, buôn bán, công thương nghiệp, dịch vụ,...

+ Nơi em sinh sống là núi; các hoạt động kinh tế như: chăn nuôi gia súc lớn, trồng trọt,…

# Lý thuyết Địa lí lớp 6 Bài 10 (Chân trời sáng tạo)

## I. Quá trình nội sinh và quá trình ngoại sinh

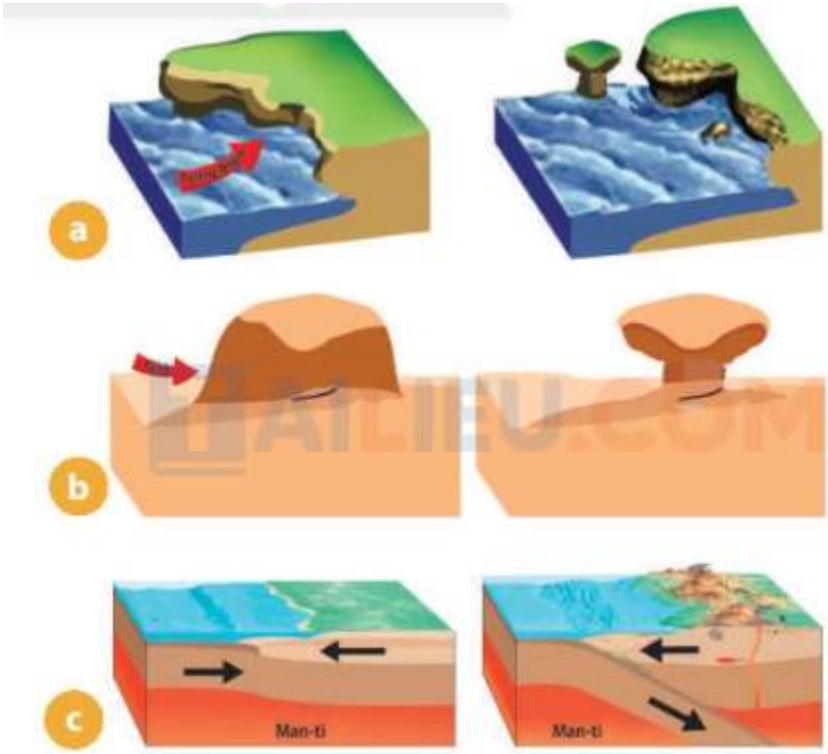


Hình 10.1. Một số kết quả của quá trình nội sinh và ngoại sinh

| | **Nội sinh** | **Ngoại sinh** |
|---|---|---|
| Khái niệm | Là các quá trình xảy ra trong lòng Trái Đất. | Là các quá trình xảy ra ở bên ngoài, trên bề mặt Trái Đất. |
| Tác động | Làm di chuyển các mảng kiến tạo, nén ép các lớp đất đá, làm cho chúng bị uốn nếp, đứt gãy hoặc đẩy vật chất nóng chảy ở dưới sâu ra ngoài mặt đất tạo thành núi lửa, động đất,... | Phá vỡ, san bằng các địa hình do nội sinh tạo nên, đồng thời cũng tạo ra các dạng địa hình mới. |
| Kết quả | Tạo ra các dạng địa hình lớn (châu lục, miền, cao nguyên, núi cao,…). | Tạo ra các dạng địa hình nhỏ (nấm đá, hang động, bãi bồi,…). |

## II. Các dạng địa hình chính

| Dạng địa hình | Độ cao | Hình thái |
|---|---|---|
| Núi | Độ cao của núi so với mực nước biển từ 500m trở lên. | Nhô cao rõ rệt so với mặt bằng xung quanh. Đỉnh nhọn, sườn dốc. |
| Đồi | Không quá 200m so với vùng đất xung quanh. | Là dạng địa hình nhô cao. Đỉnh tròn, sườn thoải. |
| Cao nguyên | Độ cao tuyệt đối từ 500m trở lên. | Vùng đất tương đối bằng phẳng hoặc gợn sóng, có sườn dốc, dựng đúng thành vách. |
| Đồng bằng | Độ cao tuyệt đối thường dưới 200m, nhưng cũng có những bình nguyên cao gần 500m. | Là dạng địa hình thấp, bằng phẳng hoặc hơi gợn sóng. |

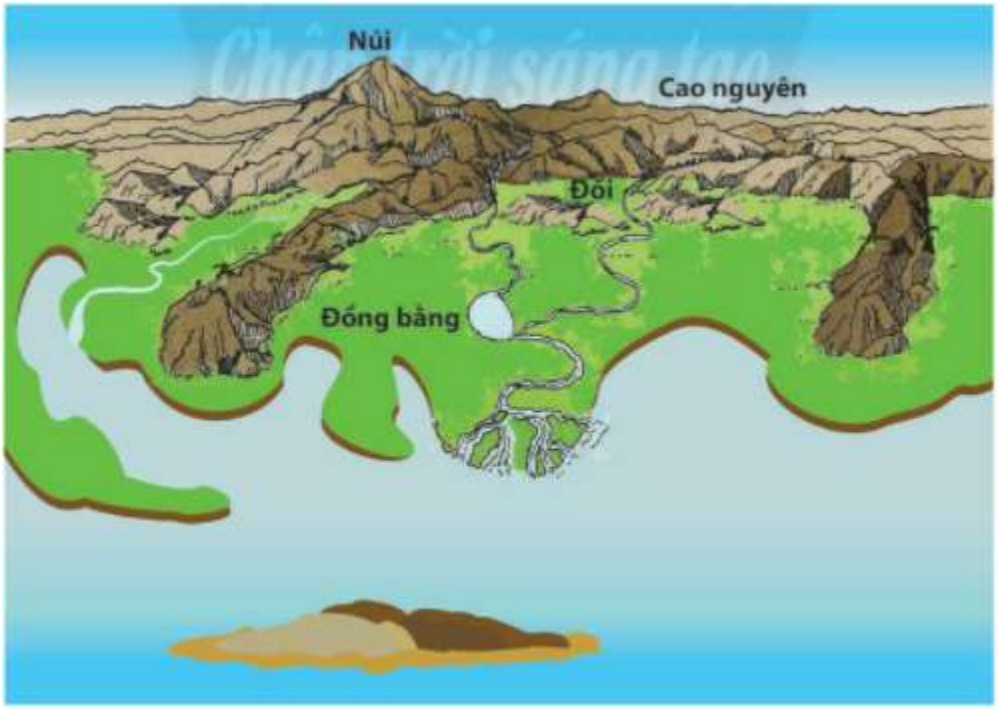


Hình 10.2. Một số dạng địa hình chính

## III. Khoáng sản

***- Khái niệm***

+ *Khoáng sản* là những khoáng vật và khoáng chất có ích trong tự nhiên trong vỏ Trái Đất mà con người có thể khai thác để sử dụng trong sản xuất và đời sống.

+ *Mỏ khoáng sản* là nơi tập trung khoáng sản có trữ lượng và chất lượng có thể khai thác để sử dụng vào mục đích kinh tế.

- ***Phân loại:*** Khoáng sản năng lượng, kim loại và phi kim.

- ***Thời gian hình thành*** rất dài, vài trăm hoặc triệu năm nên cần khai thác và sử dụng hợp lí.

Hình 10.5. Một số loại khoáng sản